

SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

KINH NGHIỆM DẠY TỪ VỰNG
MÔN TIẾNG ANH - LỚP 7 TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ BẾN CỬ

Họ và tên tác giả : *Nguyễn Thị Sơn Ca*

Đơn vị công tác : *Trường THCS Bến Củi*

1. Lý do chọn đề tài :

- Tiếng anh được coi như là 1 công cụ để giao tiếp đòi hỏi chúng ta phải có một vốn từ, cho nên việc học từ vựng là một tất yếu không thể không kể đến trong việc học tiếng Anh.

- Nhưng đa phần, học sinh không hiểu được tầm quan trọng của từ vựng nên rất lười học hoặc chỉ học hoa loa rồi không sử dụng được nó , trong đó học sinh khối 7 cũng không ngoại lệ, với lượng kiến thức mới mà nó khác xa với tiếng mẹ đẻ như thế thì học sinh rất sợ học. Do vậy người giáo viên phải làm gì để từ vựng không còn là “ nỗi khó khăn “của học sinh , suy nghĩ ấy cứ làm tôi trăn trở mãi , với vài năm đứng lớp gặp không biết bao nhiêu lần học sinh không thuộc từ vựng , viết sai , hiểu sai câu và không dịch được đã thôi thúc tôi thực hiện đề tài *“Kinh nghiệm dạy từ vựng môn tiếng Anh 7”*

2/. Đối tượng – phương pháp nghiên cứu :

- Học sinh lớp 7 Trường THCS Bến Củi
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu , dự giờ đồng nghiệp , kiểm tra , đối chiếu , so sánh kết quả của học sinh

3/. Đề tài đưa ra giải pháp mới :

- Trước khi đi vào những vấn đề cụ thể , chúng ta thống nhất với nhau rằng , phương pháp chủ đạo trong dạy học ngoại ngữ của chúng ta là lồng ghép , nghĩa là từ mới cần được dạy trong ngữ cảnh , ngữ cảnh có thể là một bài đọc , một đoạn hội thoại hay một bài khóa tuy nhiên , nói đến cùng thì việc dạy và học ngoại ngữ vẫn là việc dạy từ mới như thế nào ?, dạy cấu trúc câu mới như thế nào để học sinh biết cách sử dụng từ mới và cấu trúc mới trong giao tiếp bằng tiếng nước ngoài.

Ngay từ đầu , giáo viên cần xem xét các thủ thuật khác nhau cho từng bước xử lý từ vựng trong các ngữ cảnh mới : gọi mở , dạy từ , kiểm tra và củng cố từ vựng.

- Có nên dạy tất cả những từ mới không ? dạy bao nhiêu từ trong một tiết thì thừa ?
- Dùng sẵn mẫu câu đã học hoặc sắp học để giới thiệu từ mới.
- Dùng tranh ảnh , dụng cụ trực quan để giới thiệu từ mới .

- Đảm bảo cho học sinh nắm được cấu trúc , vận dụng từ vựng vào cấu trúc để hoàn thiện chức năng giao tiếp . Thiết lập mối quan hệ giữa cấu trúc mới và vốn từ đã có.

- Khắc sâu vốn từ trong trí nhớ của học sinh thông qua các mẫu câu và qua những bài tập thực hành.

4. Hiệu quả áp dụng:

- Các tiết học trở nên sôi nổi và sinh động hơn.
- Học sinh đã thuộc các từ mới ngay tại lớp học.
- Vốn từ vựng của các em tăng lên rõ rệt.
- Các em học sinh yếu kém có thể sử dụng được từ vựng vào những câu đơn giản. Những học sinh khá có thể sử dụng từ vựng trong những câu phức tạp hơn.

5. Phạm vi áp dụng :

- Có thể áp dụng cho các học sinh khối 7,8 ở trường và các trường THCS trong huyện

Bến củi ngày tháng năm 2008

Người thực hiện

NGUYỄN THỊ SƠN CA

A.MỞ ĐẦU

I. Lý do chọn đề tài :

Để nắm bắt các thông tin văn hoá – khoa học kỹ thuật tiên tiến của nước ngoài, thì điều quan trọng trước mắt là chúng ta phải học tiếng nước ngoài, phải học để hiểu và nói được một thứ tiếng phổ biến nhất thế giới đó là tiếng Anh . Là một giáo viên dạy bộ môn tiếng Anh , đào tạo những lớp người sau này có thể nắm bắt được những thông tin của nước ngoài áp dụng vào việc xây dựng đất nước Việt Nam ta ngày càng giàu mạnh hơn . Giáo viên phải nhận thức rằng bộ môn tiếng Anh được coi là một công cụ để giao tiếp , đòi hỏi chúng ta phải có một số vốn từ, cho nên việc học từ vựng là một tất yếu không thể không kể đến trong việc học tiếng Anh .

Ôu trường trung học cơ sở giáo viên dạy học cho học sinh cùng với các môn khác trên cơ sở trang bị cho học sinh hệ thống những kỹ năng , kỹ xảo cần thiết, nhằm đào tạo đội ngũ lao động có tri thức, có tay nghề, có kỹ năng thực hành, năng động và sáng tạo .., việc hình thành và rèn luyện các kỹ năng cho học sinh giáo viên không chỉ chú ý vào việc truyền thụ kiến thức trong sách giáo khoa, sử dụng các phương tiện dạy học mà phải quan tâm đến việc tổ chức quá trình dạy học theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học , đề cao và phát huy tốt vai trò tích cực chủ động sáng tạo của học sinh trong học tập, tổ chức cho học sinh lĩnh hội tri thức bằng chính hoạt động của mình, nhưng đa phần học sinh không hiểu tầm quan trọng của từ vựng nên rất lười học hoặc chỉ học hoa loa rồi không sử dụng được nó , trong đó có học sinh lớp 7A , với lượng kiến thức mới mà nó khác xa với tiếng mẹ đẻ như thế thì học sinh rất sợ học. Do vậy người giáo viên phải làm gì để từ vựng không còn là ‘ nỗi khó khăn ‘ của học sinh, suy nghĩ làm tôi trần trở mãi , với kinh nghiệm vài năm đứng lớp , gặp không biết bao nhiêu lần học sinh không thuộc từ vựng , viết sai , hiểu câu sai đã thôi thúc tôi thực hiện đề tài . kinh nghiệm dạy từ vựng môn tiếng anh 7.

2. Đối tượng nghiên cứu :

- Được phân công giảng dạy môn tiếng Anh , tôi chọn lớp 7A để nghiên cứu đề tài với mục tiêu cải tiến phương pháp dạy học tiếng Anh 8,

nhằm phát triển vốn từ vựng cho học sinh và qua đó áp dụng vào thực tế nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy ở học sinh khối 7, mà đặc biệt là lớp 7A.

3. Phạm vi nghiên cứu:

Đề tài này có thể áp dụng giảng dạy cho các học sinh khối 6, 7, 8, 9 ở các trường trung học cơ sở trong huyện.

4. Phương pháp nghiên cứu :

Tôi đã tìm tòi nghiên cứu các tài liệu, kết hợp dự giờ, thực nghiệm, kiểm tra đối chiếu các kết quả học tập của học sinh, hầu rút ra được phương pháp dạy tốt nhất cho các em.



B.NỘI DUNG

1. Cơ sở lý luận :

Luật Giáo dục – 2005 (điều 5) quy định “phương pháp giáo dục phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học, bồi dưỡng cho người học năng lực tự học, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên.”

Với mục tiêu giáo dục phổ thông là “Giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam Xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân, chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ tổ quốc”. Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo quyết định số 16/2006/QĐ – BGDDT ngày 05/05/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã nêu: “Phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh, phù hợp với đặc trưng môn học, đặc điểm đối tượng học sinh, điều kiện từng lớp học, bồi dưỡng cho học sinh phương pháp tự học, khả năng hợp tác, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tế, tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú và trách nhiệm học tập cho học sinh.

2. Cơ sở thực tiễn:

- Bất cứ một thứ tiếng nào trên thế giới, muốn giao tiếp được với nó, đòi hỏi chúng ta phải có một vốn từ. Bởi vì từ vựng là một thành phần không thể thiếu được trong ngôn ngữ, được sử dụng cho hoạt động giao tiếp. Do vậy, việc nắm vững số từ đã học để vận dụng là việc làm rất quan trọng.

- Trong Tiếng anh chúng ta không thể rèn luyện và phát triển bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết của học sinh mà không dựa vào nền tảng của từ vựng. Thật vậy nếu không có số vốn từ cần thiết, các em sẽ không nghe được và hệ quả của nó là không nói được, đọc không được và viết cũng không xong, cho dù các em có nắm vững mẫu câu.

3/. Nội dung vấn đề:

a. Thực trạng:

- Theo phân phối chương trình hiện nay, môn tiếng Anh 7 mỗi tuần 03 tiết, mà hầu như tiết nào cũng có từ mới trong bài học và kể cả trong bài tập. Nhưng muốn dạy tốt từ vựng để tiết học sinh động hơn, Giáo viên phải làm tranh ảnh, đồ dùng để minh họa, tạo điều kiện cho các em nhớ từ dễ dàng và hướng sự chú ý của các em vào chủ đề hay trọng tâm bài học.

- Về sự phân bố tiết trong tuần, có khi một buổi các em phải học hai tiết tiếng Anh liên tiếp, phải tải một số lượng từ rất nhiều. Điều này chắc chắn sẽ gây tâm lý quá tải cho một số học sinh, gây ảnh hưởng rất nhiều đến tiết học sau.

- Về phía học sinh, bên cạnh một số em học hành nghiêm túc, có không ít học sinh chỉ học hoa loa, không khắc sâu được từ vựng vào trong trí nhớ, không tập đọc, tập viết thường xuyên, không thuộc nghĩa hai chiều. Đến khi giáo viên yêu cầu các em sẽ không thành công.

- Về phía học sinh, cũng rất khó khăn trong việc kiểm tra hoặc hướng dẫn các em tự học ở nhà. Bởi vì vậy là môn ngoại ngữ, không phải phụ huynh nào cũng biết. Đây cũng là vấn đề hết sức khó khăn trong quản lý việc học ở nhà của học sinh.

- Ngoài ra, cách học từ vựng của học sinh cũng là điều đáng được quan tâm, học sinh thường học từ vựng bằng cách đọc từ bằng tiếng Anh và cố nhớ nghĩa bằng tiếng Việt, có viết trong tập viết cũng là để đối phó với giáo viên, chứ chưa có ý thức tự kiểm tra lại mình, để khắc sâu từ mới và vốn từ sẵn có. Vì thế cho nên, các em rất mau quên và dễ dàng lẫn lộn giữa từ này với từ khác. Do vậy, nhiều học sinh đâm ra chán học và bỏ quên. Cho nên giáo viên cần chú ý đến tâm lý này của học sinh.

b. Định hướng chung của đề tài:

Sau khi phân tích những nguyên nhân làm cho học sinh sợ học tiếng Anh, thường xuyên không thuộc bài và việc dạy từ vựng ở trường phổ thông chưa đạt hiệu quả cao. Cụ thể vào đầu năm học khi nhận giảng dạy tiếng Anh lớp 7, sau vài tiết học đầu tiên, tôi cho học sinh lớp 7A làm bài kiểm tra từ vựng, tôi yêu cầu các em nối từ tiếng Anh với nghĩa từ tiếng Việt phù hợp (Matching). Dịch từ sang tiếng Việt, dịch từ sang tiếng Anh. Cuối cùng tôi thu được kết quả như sau:

TSHS	Nội từ	Dịch sang tiếng Việt	Dịch sang tiếng Anh
34			

Với kết quả như thế, tôi quyết định thử áp dụng một số kinh nghiệm dạy từ vựng của mình qua những năm đứng lớp và suốt những tiết học sau tôi áp dụng những kinh nghiệm của mình được trình bày sau đây, để cuối năm so sánh với kết quả ban đầu.

4. Quá trình thực hiện:

a/. Lựa chọn từ để dạy:

Tiếng Anh là một môn học có tầm quan trọng, nó là công cụ để giao tiếp với các nước trên thế giới. Muốn giao tiếp tốt chúng ta phải có vốn từ phong phú.

Ở môi trường phổ thông hiện nay, khi nói đến ngữ liệu môi là chủ yếu nói đến ngữ pháp và từ vựng, từ vựng là ngữ pháp luôn có mối quan hệ khăng khít với nhau, luôn được dạy phối hợp để làm rõ nghĩa của nhau. Tuy nhiên dạy và giới thiệu từ vựng là vấn đề cụ thể. Thông thường trong một bài học luôn xuất hiện những từ mới, xong không phải từ mới nào cũng cần đưa vào để dạy. Để chọn từ cần dạy, giáo viên cần xem xét những vấn đề:

- Từ chủ động (active vocabulary)
- Từ bị động (passive vocabulary)

Chúng ta đều biết cách dạy hai loại từ này khác nhau. Từ chủ động có liên quan đến bốn kỹ năng (nghe – nói – đọc – viết). Đối với loại từ này giáo viên cần đầu tư thời gian để giới thiệu và cho học sinh tập nhiều hơn.

Với từ bị động giáo viên chỉ cần dừng ở mức nhận biết, không cần đầu tư thời gian vào các hoạt động ứng dụng. Giáo viên cần biết lựa chọn và quyết định xem sẽ dạy từ nào như một từ chủ động và từ nào như một từ bị động.

- Khi dạy từ mới cần làm rõ ba yếu tố cơ bản của ngôn ngữ là:
 - + Form.
 - + Meaning.
 - + Use.

Đối với từ chủ động ta chỉ cho học sinh biết chữ viết và định nghĩa như từ điển thì chưa đủ, để cho học sinh biết cách dùng chúng trong giao tiếp, giáo viên cần cho học sinh biết cách phát âm, không chỉ từ riêng lẻ, mà còn biết phát âm đúng những từ đó trong chuỗi lời nói, đặc biệt là biết nghĩa của từ.

-Số lượng từ cần dạy trong bài tùy thuộc vào nội dung bài và trình độ của học sinh. Không bao giờ dạy tất cả các từ mới, vì sẽ không có đủ thời gian thực hiện các hoạt động khác. Tuy nhiên, trong một tiết học chỉ nên dạy tối đa là 6 từ.

- Trong khi lựa chọn từ để dạy, bạn nên xem xét đến hai điều kiện sau:

+ Từ đó có cần thiết cho việc hiểu văn bản không ?

+ Từ đó có khó so với trình độ học sinh không ?

- Nếu từ đó cần thiết cho việc hiểu văn bản và phù hợp với trình độ của học sinh, thì nó thuộc nhóm từ tích cực, do đó bạn phải dạy cho học sinh.

- Nếu từ đó cần thiết cho việc hiểu văn bản nhưng khó so với trình độ của học sinh, thì nó không thuộc nhóm từ tích cực, do đó bạn nên giải thích rồi cho học sinh hiểu nghĩa từ đó ngay.

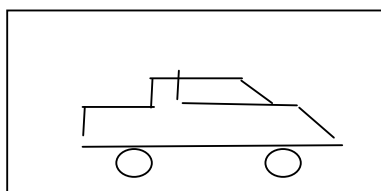
- Nếu từ đó không cần thiết cho việc hiểu văn bản và cũng không khó lắm thì bạn nên yêu cầu học sinh đoán.

b. Các thủ thuật gợi mở giới thiệu từ mới:

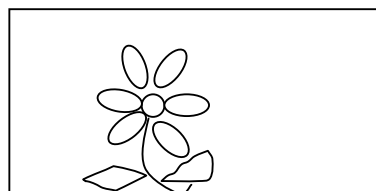
giáo viên có thể dùng một số thủ thuật gợi mở giới thiệu từ mới như:

1. Visual (nhìn): cho học sinh nhìn tranh ảnh, vẽ phác hoạ cho các em nhìn, giúp giáo viên ngữ nghĩa hoá từ một cách nhanh chóng.

e.g. a car



e.g. a flower



2. Mine (điều bộ): Thể hiện qua nét mặt, điệu bộ.

e.g. bored Teacher looks at watch, makes bored face, yawns T. asks, "How do I feel?"	e.g. (to) jump T. jumps T. asks, "What am I doing?"
--	---

3. Realia (vật thật): Dùng những dụng cụ trực quan thực tế có được.

e.g. limes (count), rice (uncount.) T. brings real limes and rice into	e.g. open (adj.), closed (adj.) T. opens and closes the door
---	---

the class. T. asks, “What’s this?”	T. says, “Tell me about the door: it’s.....what?”
---------------------------------------	--

4. Situation / explanation:

e.g. honest T. explains, “I don’t tell lies. I don’t cheat in the exams. I tell the truth.” T. asks, “What am I? Tell me the word in Vietnamese.”

5. Example

e.g. furniture T. lists examples of furniture: “tables, chairs, beds – these are all ... furniture ... Give me another example of... furniture...”	e.g. (to) complain T. says, “This room is too noisy and too small. It’s no good (etc.)” T. asks, “What am I doing?”
--	--

6. Synonym \ antonym (đồng nghĩa \ trái nghĩa): Giáo viên dùng những từ đã học rồi để giảng từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa.

e.g. intelligent T. asks, “What’s another word for clever?”	e.g. stupid T. asks, “What’s the opposite of clever?”
---	---

7. Translation (dịch): Giáo viên dùng những từ tương đương trong tiếng Việt để giảng nghĩa từ trong tiếng Anh. Giáo viên chỉ sử dụng thủ thuật này khi không còn cách nào khác, thủ thuật này thường được dùng để dạy từ trừu tượng, hoặc để giải quyết một số lượng từ nhiều nhưng thời gian không cho phép, Giáo viên gợi ý học sinh tự dịch từ đó.

e.g. (to) forget T. asks, “How do you say ‘quên’ in English?”
--

8. T's eliciting questions :

Để giới thiệu từ mới, giáo viên dạy cho học sinh theo bốn kỹ năng nghe – nói – đọc – viết.

- + Nghe: Giáo viên đọc mẫu, học sinh lắng nghe.
- + Nói: Giáo viên đọc từ, học sinh đọc lại.
- + Đọc: Giáo viên viết từ lên bảng, học sinh đọc từ bằng mắt, bằng miệng.
- + Viết: Học sinh viết từ vào tập.

Trong khi dạy từ mới phải ghi nhớ các điểm sau: Nên giới thiệu từ trong mẫu câu, ở những tình huống giao tiếp khác nhau, giáo viên kết hợp việc làm việc đó, bằng cách thiết lập được sự quan hệ giữa từ cũ và từ mới, từ vựng phải được củng cố liên tục.

Giáo viên thường xuyên kiểm tra từ vựng vào đầu giờ bằng cách cho các em viết từ vào bảng con và giơ lên, với cách này giáo viên có thể quan sát được toàn bộ học sinh ở lớp, bắt buộc các em phải học bài và nên nhớ cho học sinh vận dụng từ vào trong mẫu câu, với những tình huống thực tế giúp các em nhớ từ lâu hơn, giao tiếp tốt và mang lại hiệu quả cao.

Để học sinh tiếp thu bài tốt đòi hỏi khi dạy từ mới, giáo viên cần phải lựa chọn các phương pháp cho phù hợp, chúng ta cần chọn cách nào ngắn nhất, nhanh nhất, mang lại hiệu quả cao nhất, là sau khi học xong từ vựng thì các em đọc được, viết được và biết cách đưa vào các tình huống thực tế.

5. Biện pháp tổ chức thực hiện:

a/. Các bước tiến hành giới thiệu từ mới:

* Bước giới thiệu bài, giới thiệu chủ đề: đây là bước khá quan trọng trong việc dạy từ vựng. Bước này sẽ quyết định sự thành công của tiết học, nó sẽ gợi mở cho học sinh liên tưởng đến những từ sắp học qua chủ điểm vừa mới được giới thiệu.

Điều quan trọng nhất trong giới thiệu từ mới là phải thực hiện theo trình tự: nghe, nói, đọc, viết. Đừng bao giờ bắt đầu từ hoạt động nào khác “nghe”. Hãy nhớ lại quá trình học tiếng mẹ đẻ của chúng ta, bao giờ cũng bắt đầu bằng nghe, bắt chước phát âm rồi mới tới những hoạt động khác. Hãy giúp cho học sinh của bạn có một thói quen học từ mới một cách tốt nhất:

- Bước 1: “nghe”, bạn cho học sinh nghe từ mới bằng cách đọc mẫu.

- Bước 2: “nói”, sau khi học sinh đã nghe được ba lần bạn mới yêu cầu học sinh nhắc lại. Khi cho học sinh nhắc lại, bạn cần chú ý cho cả lớp nhắc lại trước, sau đó mới gọi cá nhân.

- Bước 3: “đọc”, bạn viết từ đó lên bảng và cho học sinh nhìn vào đó để đọc. Cho học sinh đọc cả lớp, rồi đọc cá nhân và sửa lỗi cho học sinh tới một chừng mực mà bạn cho là đạt yêu cầu.

- Bước 4: “viết”, sau khi học sinh đã đọc từ đó một cách chính xác rồi bạn mới yêu cầu học sinh viết từ đó vào vở.

- Bước 5: bạn hỏi xem có học sinh nào biết nghĩa của từ đó không và yêu cầu một học sinh lên bảng viết nghĩa của từ đó bằng tiếng Việt.

- Bước 6: đánh trọng âm từ: phát âm lại từ và yêu cầu học sinh nhận diện âm tiết có trọng âm và đánh dấu.

- Bước 7: cho câu mẫu và yêu cầu học sinh xác định từ loại của từ mới học.

b/. Các thủ thuật kiểm tra và củng cố từ mới:

Chúng ta biết rằng chỉ giới thiệu từ mới thôi không đủ, mà chúng ta còn phải thực hiện các bước kiểm tra và củng cố. Các thủ thuật kiểm tra và củng cố sẽ khuyến khích học sinh học tập tích cực và hiệu quả hơn. Trong hoạt động này, chúng ta có thể sử dụng để kiểm tra từ mới. Sau đây là năm thủ thuật kiểm tra từ mới:

1. Rub out and Remember (giải thích – ví dụ)
2. Slap the board (giải thích – ví dụ)
3. What and where (giải thích – ví dụ)
4. Matching (giải thích – ví dụ)
5. Bingo (giải thích – ví dụ)
6. Lisle order vocabulary (giải thích – ví dụ)

6. Hướng dẫn học sinh học từ vựng ở nhà:

Để phát huy tốt tính tích cực chủ động sáng tạo của học sinh trong học tập, thì chúng ta cần tổ chức quá trình dạy học theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học, trong quá trình dạy và học, giáo viên chỉ là người truyền tải kiến thức đến học sinh, học sinh muốn lĩnh hội tốt những kiến thức đó, thì các em phải tự học bằng chính các hoạt động của mình.

Hơn nữa thời gian học ở trường rất ít, cho nên đa phần thời gian còn lại ở gia đình các em phải tổ chức cho được hoạt động học tập của mình. Làm

được điều đó, thì chắc chắn hoạt động dạy và học sẽ ngày càng hoàn thiện hơn.

Cho nên ngay từ đầu từ năm học, giáo viên cần hướng dẫn học sinh xây dựng hoạt động học tập ở nhà.

a/. Chuẩn bị từ vựng.

b/. Học thuộc lòng từ vựng. (nêu ra ba cách)

7. Kết quả:

a/. Đưa ra kết quả cụ thể.

b/. Nhận xét đánh giá chung về ưu điểm và hạn chế của sáng kiến kinh nghiệm.

* Ưu điểm:

* hạn chế:

C. KẾT LUẬN

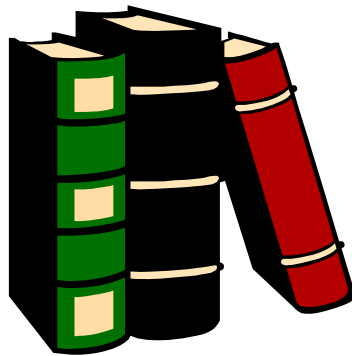
Tôi thực hiện đề tài này chỉ là một phần trong tiết học, tuy nhiên nó đóng vai trò rất quan trọng cho việc thực hành mẫu câu, việc đối thoại có trôi chảy, lưu loát hay không đều phải phụ thuộc vào việc học thuộc lòng từ vựng và phát âm có chuẩn hay không.

Nhưng để thực hiện giảng dạy tốt một tiết từ vựng, không chỉ cần có sự đầu tư vào bài giảng, vào các bước lên lớp của giáo viên, mà còn phụ thuộc rất nhiều vào sự hợp tác của học sinh. Do vậy tôi đã đưa ra một số yêu cầu đối với học sinh như: Chuẩn bị bài ở nhà, trong giờ học phải nghiêm túc.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Những vấn đề chung về đổi mới Giáo dục Trung học cơ sở môn tiếng Anh – Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà xuất bản Giáo dục.
2. Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên trung học cơ sở chu kỳ III (2004 – 2007). Nhà xuất bản Giáo dục.



MỤC LỤC

Bản tóm tắt đề tài	Trang. 01
--------------------------	-----------

A. MỞ ĐẦU :

1. Lý do chọn đề tài.	Trang. 03
2. Đối tượng nghiên cứu	Trang. 03
3. Phạm vi nghiên cứu	Trang. 04
4. Phương pháp nghiên cứu	Trang. 04

B. NỘI DUNG :

1. Cơ sở lý luận	Trang. 05
2. Cơ sở thực tiễn	Trang. 05
3. Nội dung vấn đề	Trang. 06
4. Quá trình thực hiện	Trang. 07
5. Biện pháp tổ chức thực hiện	Trang. 08
6. Hướng dẫn học sinh học từ vựng ở nhà	Trang. 09
7. Kết quả	Trang. 10

C. KẾT LUẬN	Trang. 11
-------------------	-----------

